

Bản án số: 07/2019/HSST

Ngày: 26 – 6 – 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Thuận.

2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019. Đối với bị cáo:

Kim N, sinh năm 1987; tại huyện Đ, tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kim K (sống) và bà Kim Thị L (sống); Có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 04/12/2018 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phan Trọng T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

2/ Lâm Hồng Tr, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

3/ Thạch Thị Tr1, sinh năm 1990 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

4/ Trần Bảo Nh, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh S.

5/ Đinh Út H, sinh năm 1997 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

2/ Kim Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh S.
3/ Thạch D, sinh năm 1989 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kim N và Đinh Út H, Nguyễn Văn L, Kim Q có mối quan hệ bạn bè, quen biết và đều là những đối tượng có sử dụng ma túy. Vào khoảng 14 giờ ngày 04 tháng 12 năm 2018, N đến nhà L để xem đá gà. Lúc xem đá gà thì N gặp Q và có đòi Q 200.000đ tiền mua ma túy thiếu, Q trả cho N được 100.000đ còn nợ lại 100.000đ. Cùng lúc đó H điện thoại cho L hỏi có thấy N ở đó không thì L trả lời “Có” và đưa điện thoại cho N để nói chuyện với H. H hỏi N “ Còn đồ không mua 300.000đ” thì N trả lời “ Hết rồi”. N kêu H đưa tiền trước cho N để N đi lấy ma túy về giao. H hẹn N gặp để lấy tiền mua ma túy tại quán nước của ông T. Tại quán nước của ông T, H đưa 300.000đ cho N và trả thêm 50.000đ tiền mua ma túy thiếu trước đây. H và N hẹn địa điểm giao nhận ma túy là chỗ chòi lá bỏ hoang.

Nhận được tin báo có nhiều đối tượng tụ tập sử dụng ma túy tại chòi lá bỏ hoang thuộc ấp B, xã B nên Công an huyện Đ kết hợp với Công an xã B xuống hiện trường kiểm tra thì phát hiện Kim N đang bước xuống xe chuẩn bị đi vào chòi lá nên ngăn lại và tiến hành kiểm tra trên người N, phát hiện N cất giấu 02 tép được hàn kín hai đầu bên trong có chất tinh thể rắn màu trắng đục nghi là ma túy đã giấu trong vỏ gói thuốc lá hiệu HERO và để trong túi quần phía trước bên trái cùng số tiền 150.000đ.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh được ngoài lần bị bắt quả tang, Kim N đã bốn lần bán và giao ma túy cho Đinh Út H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ cách ngày bị bắt quả tang (ngày 04/12/2018) hơn một tháng, H điện thoại cho N mua ma túy với giá 300.000đ. Hẹn địa điểm giao ma túy là chỗ chòi lá bỏ hoang. N chạy xuống lá màu xanh đến giao ma túy cho H nhưng H chỉ trả 200.000đ (còn nợ lại 100.000đ đến nay vẫn chưa trả).

Lần thứ hai: Vào khoảng 11 giờ cách ngày bị bắt quả tang (ngày 04/12/2018) một tháng, H điện thoại cho N mua ma túy với giá 400.000đ. Hẹn địa điểm giao ma túy là tại nhà Nguyễn Văn L. N chạy xuống lá màu xanh đến giao ma túy cho H và H trả đủ cho N 400.000đ.

Lần thứ ba: Vào khoảng 14 giờ cách ngày bị bắt quả tang (ngày 04/12/2018) khoảng 20 ngày, H điện thoại cho N mua ma túy với giá 300.000đ. H địa điểm giao ma túy là chỗ chòi lá bỏ hoang. N chạy xe gắn máy cùng với một người đến giao ma túy cho H, H trả đủ cho N 300.000đ.

Lần thứ tư: Vào khoảng 14 giờ cách ngày bị bắt quả tang (ngày 04/12/2018) hơn 10 ngày, H điện thoại cho N mua ma túy với giá 200.000đ. Hẹn địa điểm giao ma túy là chỗ chòi lá bỏ hoang. N chạy xe gắn máy đến giao cho H

nhưng H chỉ trả 150.000đ (còn nợ lại 50.000đ và đã trả ngay ngày bị bắt quả tang).

Tại bản kết luận giám định số 80/GĐMT-PC09, ngày 06/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng khối lượng 0,272g, loại Methamphetamine.

Tại Bản cáo trạng số: 07/CT-VKSTĐ ngày 25/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S đã truy tố Kim N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Kim N từ 07 năm đến 08 năm tù.

Trong quá trình điều tra, bị cáo N chỉ thừa nhận là đi mua dùm ma túy cho Đinh Út H nhưng bị cáo không chứng minh được bị cáo mua ma túy của ai ngược lại qua tài liệu, chứng cứ xác định bị cáo là người giao ma túy cho H và trực tiếp nhận tiền từ H. Mua bán trái phép chất ma túy là hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác... Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Kim N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đồng ý với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát; bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình; bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số lượng ma túy tịch thu trong vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tệ nạn, tội phạm khác, gây hậu quả rất to lớn cho xã

hội. Đây là một vấn đề gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý nghiêm để phòng ngừa và răn đe chung.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Kim N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Bản thân bị cáo không tiền án, tiền sự; Người dân tộc, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tại tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo Kim N thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh S truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều luật quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Phan Trọng T và Lâm Hồng Tr là hai người mà N khai đã mua ma túy về bán lại cho H, quá trình làm việc cả hai không thừa nhận bán ma túy cho Kim N. Cơ quan điều tra không chứng minh được nên không xử lý là có căn cứ; Đối với Đinh Út H là người mua ma túy của bị cáo N không có dấu hiệu vi phạm hình sự nên Cơ quan điều tra đã giao cho địa phương quản lý, giáo dục; Đối với Thạch Thị Tr1 (vợ bị cáo N) không biết việc N dùng chiếc xuống đi giao ma túy nên Tr1 không phải chịu trách nhiệm hình sự; Đối với Trần Bảo Nh do không biết N mượn xe mô tô biển kiểm soát 83P2-699.46 để đi mua bán ma túy nên Nh không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ. Xét thấy việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với những người có tên nêu trên, được quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Một gói niêm phong trong phong bì là ma túy, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,176 gam và một vỏ gói thuốc lá Hero đã qua sử dụng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy số vật chứng nêu trên. Riêng số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) có được từ việc mua bán ma túy nên cần sung vào ngân sách Nhà nước.

- Một chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, biển kiểm soát 83P2-699.46 đã qua sử dụng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 3, Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho chủ sở hữu là Trần Bảo Nh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 47; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 136; Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/Tuyên bố: Bị cáo Kim N phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

3/Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Kim N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/12/2018.

4/Về xử lý vật chứng:

- Tiêu hủy một gói niêm phong trong phong bì chứa ma túy, có khối lượng còn lại sau giám định là 0,176 gam và một vỏ gói thuốc lá Hero đã qua sử dụng.

- Sung vào Ngân sách Nhà nước 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trao trả cho Trần Bảo Nh chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, biển kiểm soát 83P2-699.46 đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh S đang quản lý).

5/ Về án phí: Bị cáo Kim N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh S;
- Sở tư pháp tỉnh S;
- VKSND huyện Đ;
- CAND huyện Đ (CQCSĐT; Bộ phận HSNVCS;
- CQTHAHS; Nhà tạm giữ);
- THADS huyện Đ;
- Lưu (HSVA; TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng